TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN** Bản án số: 02/2020/HNGĐ- ST Ngày 28-5-2020 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Phượng;

Bà Nguyễn Thị Hợp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Hồng Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vi Thế Cường- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Hồng N, sinh năm 1988. Có mặt.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Hải N, sinh năm 1987. Có mặt.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007, chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N tổ chức kết hôn trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị làm ăn, sinh sống cùng với gia đình bố mẹ đẻ của chị, anh Hoàng Hải N là đi ở rể do bố mẹ đẻ của chị không có con trai. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 chị phát hiện anh Hoàng Hải N nghiện chất ma túy, chị vô vùng đau

khổ đã khuyên anh cai nghiện ma túy tại nhà và đi cai nghiện nhưng anh Hoàng Hải N vẫn nghiện chất ma túy, bỏ bê gia đình, không chịu làm ăn. Vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay, anh Hoàng Hải N đã về nhà bố mẹ đẻ của mình ở, giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nông Hồng N đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Hoàng Hải N.

Về con chung: Chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N có 02 con chung là cháu Nông Thị Hải Y sinh ngày 22/9/2008 và cháu Nông Hải Đ sinh ngày 15/02/2011, không có con nuôi, không ai có con riêng. Chị Nông Hồng N yêu cầu trực tiếp 02 nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu cầu anh Hoàng Hải N phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị đi lao động làm thuê ổn định nghề gội đầu bên P, Q, Trung Quốc mỗi tháng thu nhập 9.000.000 đồng. Hàng tháng, chị vẫn thường về Việt Nam vài ngày để đóng dấu sổ thông hành và về nhà thăm con, đưa tiền cho bố mẹ đẻ mỗi tháng 7.000.000 đồng để nuôi con ăn học. Ngoài ra, chị có bố mẹ đẻ cho ở cùng và hỗ trợ việc đưa đón con đi học, nhà bố mẹ đẻ của chị cách trường học khoảng 2km nên rất thuận tiện, các cháu đều mang họ chị. Tuy nhiên, để thuận tiện chăm sóc con, chị có thể tìm việc làm địa phương mà không sang Trung Quốc làm thuê nữa.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và cho vay chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nông Hồng N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi 02 con chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Hải N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Hải N thống nhất với lời trình bày của chị Nông Hồng N về việc kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, lý do từ năm 2017 chị Nông Hồng N đi sang Trung Quốc làm thuê ở công ty, mỗi năm chỉ về một vài lần, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Chị Nông Hồng N viết đơn xin ly hôn, anh Hoàng Hải N xác định tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nhất trí đề nghị giải quyết ly hôn chị Nông Hồng N.

Về con chung: Anh Hoàng Hải N thống nhất với lời trình bày của chị Nông Hồng N về việc vợ chồng anh có 02 con chung, không có con nuôi, không ai có con riêng. Anh Hoàng Hải N yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con Nông Thị Hải Yến và Nông Hải Đăng vì anh cũng đi lao động làm ruộng và thỉnh thoảng đi bốc vác làm thuê có thu nhập 4.000.000 đồng/tháng, tại phiên tòa anh trình bày hiện nay anh đi làm thuê lắp đặt điện nước theo công trình ở huyện T, tỉnh Lạng Sơn, hưởng lương theo sản phẩm, mỗi tháng thu nhập trung bình 9.000.000 đồng; anh cũng nhận được sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ về việc đưa đón con đi học và cho ở ổn định. Năm 2016, anh có sử dụng chất ma túy, tuy nhiên anh đã đi uống thuốc methadone và hiện nay đã cai nghiện được. Anh Hoàng Hải N không yêu cầu chị

Nông Hồng N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị Nông Hồng N thường sang Trung Quốc làm thuê, rất ít khi về nhà nên không thể nuôi được các cháu, nếu chị N nhận nuôi các cháu thì cũng phải nhờ bố mẹ chị N hỗ trợ.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có.

Ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Nông Thị Hải Y và Nông Hải Đ: Các cháu đều có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin ở cùng mẹ và ông bà ngoại, vì bố nghiện không chăm sóc các cháu hàng ngày; các cháu đã sống cùng ông bà ngoại từ nhỏ, không muốn thay đổi chỗ ở.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, thủ tục phiên tòa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên toà theo quy định của pháp luật. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt khi được triệu tập. Tòa án đã lập các biên bản giao nhận văn bản tố tụng đúng quy định.

Chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N đều đề nghị giải quyết ly hôn. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị công nhận sự thuận tình nhất trí ly hôn giữa chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N.

Về con chung: Các đương sự đều yêu cầu nuôi cả 02 con. Xét điều kiện nuôi con của các bên và nguyện vọng của các cháu thấy: Phía nguyên đơn, có công việc, chỗ ở ổn định, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc con; phía bị đơn, công việc ít ổn định hơn, chỗ ở ổn định, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc con, đã từng sử dụng chất ma túy chưa có căn cứ xác định đã cai nghiện được; các bên đều đi làm thuê xa nhà; xét theo nguyện vọng các cháu Nông Thị Hải Y và Nông Hải Đ là được ở với mẹ lý do các cháu cho rằng đã quen sống với mẹ và ông bà ngoại từ nhỏ, bố nghiện ma túy không chăm sóc được, xét thấy các cháu đã đủ tuổi trình bày nguyện vọng theo quy định của pháp luật, việc trình bày ý kiến của các cháu có sự chứng kiến của người giám hộ và của đại diện Trường học nơi các cháu đang theo học, nguyện vọng của các cháu thể hiện khách quan. Từ đánh giá trên, đề nghị giao các cháu Nông Thị Hải Y sinh ngày 22/9/2008 và cháu Nông Hải Đ sinh ngày 15/02/2011 cho chị Nông Hồng N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi, để ổn định tâm sinh lý, học tập, chỗ ở của các cháu. Anh Hoàng Hải N không phải chấp dưỡng nuôi con, do chị Nông Hồng N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Các đương sự đều trình bày thống nhất là không có. Nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Bản tự khai của chị Nông Hồng N, anh Hoàng Hải N, cháu Nông Thị Hải Y và cháu Nông Hải Đ; Biên bản lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn; trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh cháu Nông Thị Hải Y và cháu Nông Hải Đăng; sổ hộ khẩu gia đình chị Nông Hồng N; Biên bản xác minh tại Công an xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Biên bản xác minh ông Hoàng Ngọc T (bố anh Hoàng Hải N), bà Lương Thị P (mẹ đẻ chị Nông Hồng N).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Các đương sự đều nhất trí ly hôn; xác định về con chung; đều xác định không có tài sản chung, nợ chung và cho vay chung.

Các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất: Không có.

Vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nông Hồng N ngày 05/02/2020 nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu ly hôn anh Hoàng Hải N hiện đang cư trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 06/4/2007, chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại Điều 9, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 186 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Từ năm 2017 đến nay, trong cuộc sống hôn nhân chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đều xác định không còn tình cảm với nhau, đều nhất trí ly hôn. Xét thấy, chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N tự nguyện nhất trí ly hôn nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn của hai bên theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N có 02 con chung là cháu Nông Thị Hải Yến sinh ngày 22/9/2008 và cháu Nông Hải Đăng sinh ngày 15/02/2011, không có con nuôi, không ai có con riêng.

[4] Theo lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh thì các cháu Nông Thị Hải Y và cháu Nông Hải Đ hiện đang sống cùng mẹ tại nhà ông bà ngoại tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và học tập tại Trường học tại xã T.

[5] Xét về điều kiện kinh tế, chỗ ở, điều kiện trông nom, chăm sóc con của hai bên đương sự: Chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N đều là lao động tự do có thu nhập, đều đi làm thuê xa nhà, có nơi cư trú ổn định tại xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, đều có sự hỗ trợ thêm về nơi ở và chăm sóc các cháu từ bố mẹ đẻ, nên

hai bên đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, theo tài liệu xác minh tại Công an xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và lời trình bày tại phiên tòa của anh Hoàng Hải N thì năm 2016 anh Hoàng Hải N nghiện ma túy, tại phiên tòa bị đơn trình bày đã cai nghiện được, nhưng không có căn cứ xác định anh Hoàng Hải N đã cai nghiện ma túy. Do đó, trường hợp anh Hoàng Hải N nghiện chất ma túy sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con dưới 18 tuổi. Xét theo nguyện vọng các cháu Nông Thị Hải Y và Nông Hải Đ là được ở với mẹ, lý do các cháu cho rằng đã quen sống với mẹ và ông bà ngoại từ nhỏ, bố nghiện ma túy không chăm sóc được. Xét thấy, các cháu đã đủ tuổi trình bày nguyện vọng theo quy định của pháp luật, việc trình bày ý kiến của các cháu có sự chứng kiến của người giám hộ chị Nông Hồng N và của đại diện Trường học nơi các cháu đang theo học, nguyện vọng của các cháu thể hiện khách quan, không bị ép buộc. Nên để ổn định tâm sinh lý, sự ổn định về học tập, chỗ ở của các cháu; sự giáo dục ảnh hưởng đối với các cháu, thấy cần giao các cháu Nông Thị Hải Y sinh ngày 22/9/2008 và cháu Nông Hải Đ sinh ngày 15/02/2011 cho chị Nông Hồng N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[6] Việc đi lại thăm nom con chung giữa các bên không ai được cản trở.

[7] Về chấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Hải N không phải chấp dưỡng nuôi con, do chị Nông Hồng N không yêu cầu.

[8] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; nguyên đơn chị Nông Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[11] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 53, 55, 58, 69, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, các điều 186, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Công nhận sự thuận tình nhất trí ly hôn giữa: Chị Nông Hồng N và anh Hoàng Hải N.

2. Về nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên.

Giao cháu Nông Thị Hải Y sinh ngày 22/9/2008 và cháu Nông Hải Đ sinh ngày 15/02/2011 cho chị Nông Hồng N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Hải N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hoàng Hải N có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con Nông Thị Hải Y và Nông Hải Đ không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Hồng N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Hồng N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/02225 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: □n xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn chị Nông Hồng N, bị đơn anh Hoàng Hải N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H.Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hải Ninh